

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay

Đặng Thị Tuyết *

Nhận ngày 26 tháng 11 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 06 tháng 02 năm 2015. Chấp nhận đăng ngày 06 tháng 02 năm 2015

Tóm tắt: Di sản văn hóa là tài sản của thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau theo hướng tích lũy ngày càng phong phú trong môi trường văn hóa. Sự tích lũy và kinh nghiệm hoạt động của nhiều thế hệ đã góp phần tạo ra sự phong phú, có chất lượng và mang giá trị nhân văn cao. Bài viết phân tích thực trạng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam; đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Văn hóa; bản sắc dân tộc; di sản văn hóa Việt Nam.

1. Mở đầu

Bước sang thế kỉ XXI, xu thế tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới là bằng mọi cách khơi dậy sức sống mãnh liệt của dân tộc để hội nhập quốc tế và phát triển phù hợp với xã hội hiện đại. Để làm được điều đó, nhiều nước đã tìm về di sản văn hóa bởi đó chính là một trong những cội nguồn sức sống tiềm tàng to lớn của dân tộc được tạo ra trong quá khứ cần phải được bảo vệ, duy trì và phát huy trong xã hội hiện đại. Việt Nam là một trong những nước tiên phong trong việc phê chuẩn Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) và là thành viên của Ủy ban Liên chính phủ tham gia xây dựng phương hướng hoạt động và các chính sách quốc tế có liên quan đến Công ước này. Di sản văn hóa là yếu tố cốt lõi của văn hóa, chuyển tải bản sắc văn hóa của một cộng đồng xã hội. Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản văn hóa

quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Như vậy, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa là hoạt động thiết thực, nhằm hướng tới xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào việc giữ gìn và làm phong phú cho kho tàng di sản văn hóa nhân loại.

Trong thời kỳ đẩy mạnh phát triển kinh tế và hội nhập, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương đường lối và chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nêu rõ:

(*) Thạc sĩ, Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0984731286. Email: tuyet1904@yahoo.com

“thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, về bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ và người nước ngoài”⁽²⁾. Trong các văn bản ban hành về công tác bảo tồn phát huy di sản văn hóa, đáng chú ý là Luật Di sản được Quốc hội khóa X, kì họp thứ 9 thông qua năm 2001 là cơ sở pháp lí cao nhất nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam.

Di sản văn hóa không chỉ chứa đựng vốn kinh nghiệm, tri thức mà còn mang theo những chuẩn mực về cái chân, thiện, mỹ. Nó hiện diện thông qua các biểu tượng văn hóa phong phú, đa dạng. Nó được coi như một “mã di truyền xã hội”, “hệ thống các giá trị” để hình thành bản sắc của mỗi dân tộc. Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa X, kì họp thứ 9 (tháng 6 năm 2001) khẳng định: “Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong việc dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”. Với 54 dân tộc anh em, Việt Nam có một kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng. Đây là một tài sản vô giá. Nói như Hồ Chủ tịch, nó là những hòn ngọc quý. Cho nên, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của cha ông để lại là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam: những thành tựu

Trong những năm qua, Đảng và Nhà

nước đã nhận thức sâu sắc về vai trò của di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. Di sản văn hóa được coi là “cốt lõi của bản sắc dân tộc” bởi nó được coi là yếu tố cấu thành đặc trưng của nền văn hóa. Việc đề cao vị trí của di sản văn hóa là đề cao những thành quả lao động cũng như đời sống tinh thần của nhân dân trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Hệ thống đình, chùa, lăng tẩm, thành quách... không chỉ minh chứng cho sức lao động sáng tạo cần cù, mà còn cho thấy khát vọng, ý chí và nghị lực của cha ông. Việc lưu giữ, tôn tạo các giá trị di sản văn hóa không chỉ thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, mà còn góp phần làm phong phú đời sống tinh thần các thế hệ mai sau. Cho đến nay, Việt Nam đã có 05 di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và 03 di sản phi vật thể được UNESCO đưa vào Công bố những kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Các di sản đó là: Quần thể di tích kiến trúc Huế (1993), Vịnh Hạ Long (1994, 2000), Khu phố cổ Hội An (1999), Khu di tích Chăm Mỹ Sơn (1999), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003); Nhã nhạc cung đình Huế (2003); Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên (2005); Hát xoan Phú Thọ (2011).

Việc trở thành di sản thế giới là một dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển mình của các di sản trong sự phát triển kinh tế nói chung, phát triển du lịch, dịch vụ nói riêng. Bởi vì, chỉ sau khi được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản mới thực sự nhận được sự quan tâm về

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.225.

nhiều mặt của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Thực tiễn ở nước ta cho thấy, quần thể di tích kiến trúc Huế, Vịnh Hạ Long, Khu di tích Chăm Mỹ Sơn, Khu phố cổ Hội An, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ngay sau khi trở thành di sản thế giới đã trở thành những điểm du lịch quan trọng của cả nước. Nhã nhạc và Cồng chiêng Tây Nguyên, hát Xoan Phú Thọ sau khi trở thành kiệt tác của nhân loại được xã hội quan tâm nhiều hơn và được đầu tư, phổ biến mạnh mẽ hơn.

Có thể nói rằng, các di sản thế giới nước ta đã đóng góp ngày càng tích cực cho sự phát triển kinh tế trên nhiều mặt. Nhiều điểm tham quan du lịch mới được mở ra quanh khu di sản, ngày càng nhiều hoạt động dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch được mở. Thực tiễn những năm qua cho thấy, các di sản thế giới đã góp phần ngày càng quan trọng trong việc phát triển du lịch của đất nước. Tại các địa phương có di sản thế giới, chúng ta đã có rất nhiều sáng kiến hoạt động quảng bá di sản. Qua đó cũng góp phần quảng bá du lịch, thu hút du khách đến với di sản thế giới, như việc tổ chức các: Năm du lịch Hạ Long, Festival Huế, Quảng Nam hành trình di sản, Đêm rằm phố cổ (Hội An), Con đường di sản miền Trung, v.v.. Những hoạt động này, sau khi thử nghiệm thành công đã trở thành thường xuyên, định kỳ tại các di sản thế giới và đã được ngành du lịch rất quan tâm. Trong các hoạt động nêu trên, nhiều sáng kiến nhằm phục hồi các hoạt động văn hóa phi vật thể được thử nghiệm, nhiều cuộc trình diễn văn hóa truyền thống, văn nghệ dân gian được tổ chức, nhiều sản phẩm thủ công truyền thống cũng có dịp được giới thiệu rộng rãi với công chúng. Sức hút của các di sản thế giới đã tạo tiền đề cho việc

mở rộng các điểm du lịch và các hoạt động khác xung quanh các di sản thế giới như: du lịch nhà vườn, vườn sinh thái tại Huế, du lịch Cù Lao Chàm, thăm quan các làng nghề, tắm biển ở Hội An, v.v.. Du lịch phát triển tại các di sản thế giới không chỉ góp phần tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn người dân ở các địa phương có di sản thế giới, mà còn làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại một số địa phương, góp phần phát triển các ngành nghề dịch vụ du lịch, nhiều ngành nghề thủ công truyền thống, hoạt động văn hóa truyền thống (văn hóa phi vật thể) được phục hồi, phát triển phục vụ trở lại cho du lịch.

Các chính sách của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua đã có tác dụng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, ngăn chặn tình trạng xuống cấp của di tích lịch sử, tác động mạnh mẽ đến sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Bằng chính sách xếp hạng của Nhà nước, nhiều di tích có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và khoa học đã được đặt dưới sự bảo vệ của pháp luật. Qua đó, tổng mức đầu tư hàng năm cho hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích liên tục tăng lên theo hướng đa dạng hóa các nguồn vốn, đồng thời ưu tiên tập trung đầu tư cho các di tích quốc gia đặc biệt và các di tích lịch sử cách mạng. Như vậy, Chương trình mục tiêu quốc gia tu bổ tôn tạo di tích ngày càng có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa các hoạt động bảo tồn bảo tàng. Nhờ nguồn ngân sách được đầu tư kịp thời của Nhà nước và cộng đồng xã hội mà nhiều di tích lịch sử cách mạng đã được cứu thoát khỏi tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Đồng thời, quá trình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về chống xuống cấp và tôn tạo di tích đã tạo ra các

sản phẩm văn hóa đặc thù, có sức hút mới. Chính vì nhận thức được rằng các giá trị văn hóa, thiên nhiên của di sản không phải chỉ nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, học tập đơn thuần, mà còn có khả năng đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương và cả nước, nên ngoài sự quan tâm của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, các di sản còn nhận được sự tham gia ngày càng tích cực của cộng đồng vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Riêng đối với di sản thế giới, Nhà nước còn có những cơ chế riêng về tài chính, như bố trí lại các nguồn thu cho các di sản thế giới nhằm tạo sự chủ động cho các hoạt động của di sản thế giới. Chính vì vậy, các di sản thế giới có điều kiện được bảo tồn phát huy giá trị nhiều hơn so với khi chưa trở thành di sản thế giới và các di sản khác trong cả nước. Bên cạnh sự quan tâm đến công tác tổ chức, xây dựng bộ máy, tuyển chọn đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, các di sản văn hóa còn nhận được sự hỗ trợ về chuyên môn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhiều khóa tập huấn, chuyên môn nghiệp vụ, hội thảo khoa học được tổ chức tại các di sản văn hóa với sự tham gia của các chuyên gia thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau ở trong và ngoài nước đã góp phần làm tăng chất lượng đội ngũ cán bộ của các đơn vị quản lý. Sở dĩ chúng ta có thể tổ chức các hoạt động nêu trên bởi sau khi trở thành di sản, Đảng và Nhà nước cũng như địa phương đã đầu tư nhiều hơn, hiệu quả hơn vào công tác quản lý và công tác bảo quản, tu bổ và tôn tạo các di sản. Nhờ những nỗ lực đó, bộ mặt của các di sản thế giới ngày càng được cải thiện, nhiều bộ phận của di sản thế giới đã được bảo quản, tu bổ và phục hồi, di sản thế giới ngày càng trở nên hấp dẫn hơn. Trong

quá trình phát triển du lịch, các nguồn thu thông qua phục vụ tham quan du lịch tăng lên hàng năm đã trở thành động lực quan trọng để chúng ta tiếp tục đầu tư cải thiện tình hình ở các di sản thế giới, tiếp tục phát triển các hoạt động du lịch. Chỉ riêng tiền bán vé vào cửa ở các di sản thế giới đã gần trăm tỉ đồng, năm sau tăng hơn năm trước. Năm 2005, ước tính di tích Huế thu được khoảng 50 tỉ đồng tiền bán vé, Vịnh Hạ Long khoảng 30 tỉ, Hội An và Mỹ Sơn, Phong Nha - Kẻ Bàng cũng thu được hàng chục tỉ đồng. Đó là chưa kể đến các nguồn thu từ dịch vụ du lịch nhà hàng, khách sạn, giao thông, vận tải, hàng không, buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ, vui chơi giải trí, v.v..

Sự phát triển du lịch tại các điểm di sản văn hóa và thiên nhiên còn góp phần thúc đẩy các ngành giao thông, hàng không hoạt động mạnh mẽ hơn. Người ta đã nói đến “đường bay vàng” để chỉ tuyến bay Hà Nội - Huế, nhiều chuyến bay chỉ toàn người nước ngoài bay từ Hà Nội vào tham quan di tích Huế. Các tuyến xe lửa, xe ca, tàu thủy chở khách đến tham quan du lịch các di sản thế giới cũng nhộn nhịp hơn, tấp nập hơn.

Nhờ vào việc từng bước hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với việc ban hành Luật Di sản và các quyết định có liên quan; việc tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; huy động được sự tham gia của toàn xã hội đối với hoạt động giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hóa; việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa... hoạt động bảo tồn phát huy di sản văn hóa đã đạt nhiều thành tựu, không chỉ đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao và phong phú của nhân dân, mà còn góp phần đưa hình ảnh quốc gia tới bạn bè

thế giới, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam: những hạn chế

Tuy đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như ở trên, song đối với sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên nói chung, bảo tồn di sản phục vụ phát triển du lịch nói riêng thời gian qua còn lộ ra những hạn chế về nhiều mặt.

Trước hết, về nhận thức, tâm lý phổ biến của các vị lãnh đạo chính quyền địa phương khi đề đạt nguyện vọng nâng cấp di tích của địa phương mình lên hạng di tích quốc gia đặc biệt hoặc di sản thế giới, ngoài mong muốn nhận được sự quan tâm đầu tư lớn của Chính phủ vào công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, còn có ý muốn tăng nhanh hoạt động du lịch tại di tích; qua đó tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, cải thiện một phần đời sống nhân dân. Đây là một nguyện vọng chính đáng, tuy nhiên ở góc độ bảo tồn di sản, nếu việc bảo tồn di sản không được coi trọng ngang bằng hoặc hơn việc khai thác di sản thì sẽ dẫn đến tình trạng phá hoại di sản, làm cho di sản bị xuống cấp, mai một nhanh chóng. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về Luật Di sản văn hóa còn chưa đầy đủ nên tình trạng vi phạm bảo tồn di tích còn xảy ra như việc cung tiến đồ thờ cúng bày đặt tùy tiện, gây phản cảm.

Thứ hai, sự quản lý của các cơ quan nhà nước còn lỏng lẻo, dẫn đến nhiều di tích tiếp tục bị xâm phạm, lấn chiếm, đánh cắp, làm hư hại, thất thoát khá nặng nề. Tại Hà Tây (cũ) từ năm 2000 đến năm 2004 đã xảy ra mất 298 cổ vật tại 40 di tích. Tại Phú Thọ từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 9 năm 2004 đã mất 33 cổ vật tại 4 di tích... Nhiều di sản quý không còn khả năng khôi

phục. Có trường hợp, di sản văn hóa, thiên nhiên quốc gia bị xâm lấn, tàn phá (Đồi Vọng Cảnh tại Huế, Di tích nàng Tô Thị ở Lạng Sơn...) do các địa phương chỉ coi trọng phát triển kinh tế để đạt chỉ tiêu tăng trưởng chứ ít quan tâm đến việc giữ gìn cảnh quan môi trường và các di sản văn hóa. Ở một số nơi, trong khi tiến hành bảo tồn, trùng tu đã không cẩn thận, thiếu trách nhiệm, thiếu năng lực chuyên môn, làm biến dạng, mất giá trị di tích, đặc biệt là các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến của nhân dân ta. Không ít văn hóa phi vật thể đang mai một dần, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số (chẳng hạn, chữ viết các dân tộc chưa phát triển). Nhiều hoạt động lễ hội văn hóa có những biến tướng nhằm trục lợi gây sự phản cảm, thậm chí bất bình với du khách...

Bên cạnh đó, dù Nhà nước quan tâm đầu tư, nhưng nguồn kinh phí đưa về các di tích vẫn còn quá ít so với nhu cầu thực tế. Cả nước hiện vẫn còn hàng nghìn di tích quốc gia chưa được tu bổ; những di tích được tu bổ chủ yếu vẫn bằng nguồn vốn xã hội hóa nên vừa yếu vừa thiếu. Các di tích được đầu tư mới chỉ đáp ứng được mục tiêu gia cố, chống xuống cấp cục bộ chứ chưa đủ khả năng thực hiện các dự án tổng thể nhằm tạo điều kiện cần và đủ để di tích tồn tại lâu dài. Việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa tuy thu được những nguồn lực đáng kể để tu bổ, tôn tạo di sản, nhưng do yếu kém trong khâu quản lý dẫn đến lộn xộn, nhập nhằng, thậm chí phô trương phản cảm. Trước đây, một thời nhà rông của một số dân tộc ở Bắc Tây Nguyên được coi là lạc hậu, không được khích lệ để bảo tồn, dẫn đến tình trạng nhiều nhà rông bị mai một. Khi nhận thức ra vấn đề lại có tình trạng làm hộ, làm thay cho cộng đồng, dân làng.

Vì không am hiểu văn hóa cộng đồng nên nhà rông dựng lên không gắn với sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng, thậm chí trở nên xa lạ, nhiều ngôi nhà bị bỏ hoang một cách hết sức lãng phí và rất đáng tiếc. Sự tùy tiện, không khoa học, làm hộ, làm thay thiếu sự tham gia của cộng đồng - chủ thể văn hóa là một bài học đắt giá cho công tác bảo tồn di sản văn hóa dân tộc.

Thứ ba, về tổ chức bộ máy quản lý di sản, tuy mỗi di sản văn hóa đã có một tổ chức quản lý riêng, song quy mô và cơ chế tổ chức của các cơ quan giữa các di sản còn chưa thống nhất. Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ ở một số cơ quan quản lý di sản còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, nhất là trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam có nhiều di sản thế giới rất cần một đội ngũ cán bộ thực sự có chuyên môn cao. Việc học tập chuyên môn, ngoại ngữ của một số cán bộ, nhân viên thiếu bài bản, chỉ nhằm phục vụ những lợi ích trước mắt, chứ không chú ý chuyên sâu, nâng cao thường xuyên để đáp ứng những đòi hỏi chuyên môn cao của ngành. Sự thiếu đồng bộ trong tổ chức và đội ngũ cán bộ ảnh hưởng rất rõ đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng như tài nguyên du lịch, nhất là ở Quảng Nam, nơi có hai di sản văn hóa thế giới, nhưng có tới ít nhất ba cơ quan nghiệp vụ tham gia quản lý di tích là Trung tâm Bảo tồn di sản di tích Quảng Nam trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hội An và Ban Quản lý di tích và du lịch Mỹ Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên. Sự chòng chẹo về quản lý và nhiệm vụ đã tạo nên những mâu thuẫn, gây bất lợi cho di sản cả trong công tác bảo tồn di tích và phát triển du lịch. Chính vì thế, chất

lượng công tác quản lý di sản cũng còn rất khác nhau. Các di sản thế giới của nước ta được ghi vào danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới rải ra trong nhiều năm. Do đó, có những di sản thế giới như Huế, Hạ Long đã qua hơn mười năm xây dựng và phát triển, trong khi đó Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng mới chỉ được vài năm. Đơn vị ra đời sau có ưu thế là rút ra được những bài học của các đơn vị đi trước, nhưng lại phải đối phó với những vấn đề phức tạp nảy sinh mà các di sản trước đó không vấp phải. Đó là sự phát triển “đi trước, đón đầu” của nhân dân và ngành du lịch địa phương, ngay khi biết tin về việc khu di tích được ghi vào danh mục di sản thế giới. Trong khi đó quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản, những qui định cụ thể về quản lý, bảo vệ di sản vẫn còn đang trong quá trình soạn thảo.

Một điều bất cập khác là nhận thức và sự tham gia của cộng đồng vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản chưa thực sự đồng đều, vững chắc và có lợi cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Có thể nói, tại địa phương có di sản văn hóa và thiên nhiên, về mặt hình thức, phần lớn mọi người đều vui mừng khi địa phương mình có di sản văn hóa, ý thức trách nhiệm của cộng đồng với việc bảo vệ di sản được nâng lên. Nhưng trên thực tế những nhận thức này chưa tương xứng với nhu cầu bảo vệ di sản. Cán bộ và người dân địa phương hướng sự quan tâm vào việc khai thác di sản là chính, việc bảo vệ di sản chủ yếu vẫn là những biện pháp hành chính của các cơ quan quản lý. Có thể nói, người dân ở các di sản quan tâm đến việc được hưởng lợi gì từ di sản hơn là trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với việc bảo vệ di sản là gì?

Đối với ngành du lịch, trong những năm qua, sự phối kết hợp giữa ngành Văn hóa - Thông tin và Du lịch trong việc xây dựng một nền du lịch bền vững tại các di sản văn hóa đã có và đạt được nhiều kết quả tốt, nhưng những kết quả đó còn chưa xứng tầm với đòi hỏi phát triển du lịch bền vững. Sự phối kết hợp còn chưa hài hòa giữa khai thác tài nguyên du lịch và bảo tồn di sản. Vẫn còn tình trạng mạnh ai nấy làm. Chương trình mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì còn chưa nhận được thông tin đầy đủ từ Chương trình quốc gia về Du lịch và ngược lại. Vì vậy, vẫn còn tình trạng nhiều di tích chưa được đầu tư đồng bộ: nơi nhận được dự án của du lịch thì di tích chưa được quan tâm, nơi di tích được đầu tư thì dự án của du lịch lại chưa tới.

Một hiện tượng nữa là di tích bị khai thác nhiều gấp nhiều lần đầu tư tu bổ (nếu tính theo kinh phí đầu tư và kinh phí thu được từ dịch vụ và các ngành). Du lịch kéo theo những mặt tiêu cực đối với di sản, những hiểm họa trực tiếp và tiềm năng, ô nhiễm môi trường tự nhiên và xã hội ở các di sản thiên nhiên và di sản văn hóa. Ví như: dự án san lấp đảo ở Nha Trang để xây nhà hàng, Lăng mộ và từ đường nhà thơ Tuy Lý Vương trở thành nơi đỗ xe tắc xi; Chùa Dơi ở Sóc Trăng bị lấn chiếm để làm khu vui chơi giải trí; Tập đoàn Tuần Châu đang có dự án san lấp một phần Vịnh Hạ Long để làm khu nghỉ dưỡng... Hà Nội là nơi có tới 1/3 di tích của cả nước, hiện còn trên 1.000 hộ dân và 11 cơ quan xâm phạm 104 di tích. Đặc biệt, có 593 hộ dân đang sinh sống trong các di tích lịch sử văn hóa. Con đường gốm sứ Hà Nội từng là niềm tự hào của Thủ đô mới hơn 4 năm đã bị sứt sọc, đổ vỡ do sự thiếu quan tâm của chính

quyền và sự vô ý thức của người dân.

Nhận thức nhiều cán bộ lãnh đạo nhận thức chưa sâu sắc về quan hệ giữa khai thác di tích và đầu tư bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, chưa có những thái độ tích cực đối với việc tạo sự bền vững cho di tích. Nhiều ngành nghề phát triển tại các di sản thế giới, tuy làm cho đời sống kinh tế có phát triển, nhưng cũng làm tăng nguy cơ hủy hoại di tích. Không chỉ chúng ta nhận thức điều này mà chuyên gia UNESCO trong các bản báo cáo giám sát hàng năm của mình cũng đã cảnh báo về những tác động tiêu cực đối với các di sản thế giới của Việt Nam. Điển hình như báo cáo tình trạng bảo tồn di tích của Việt Nam năm 2004 của Ủy ban Di sản thế giới. Có 3 trong 5 di sản thế giới của Việt Nam đã bị Ủy ban Di sản thế giới cảnh báo về tình trạng bảo tồn di sản. Bên cạnh việc đánh giá những mặt được, tích cực của Chính phủ Việt Nam và chính quyền các địa phương đối với việc bảo tồn di sản thế giới, Ủy ban Di sản thế giới có phần đánh giá các tác động tiêu cực đối với di sản thế giới của Việt Nam, trong đó có đánh giá việc phát triển du lịch tại khu vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, việc quản lý nuôi trồng thủy sản tại Vịnh Hạ Long và việc xây dựng kết cấu hạ tầng và quản lý đô thị tại quần thể di tích kiến trúc Huế.

4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong việc bảo tồn, tôn tạo và khai thác hợp lý các di sản văn hóa, chúng ta cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn chỉnh cơ chế đề cao trách nhiệm trong công tác quản lý di sản văn hóa của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

Tăng cường hợp tác giữa các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương, trước hết là giữa ngành du lịch và bảo tồn di sản văn hóa để tạo ra sự phát triển du lịch thực sự bền vững. Cần lồng ghép tốt giữa Chương trình mục tiêu quốc gia về chống xuống cấp và tôn tạo di tích, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và Chương trình quốc gia về du lịch, các chương trình về môi trường, phát triển rừng, giáo dục, các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tại các khu vực có di sản thế giới.

Thứ hai, tuyên truyền giáo dục Luật Di sản văn hóa và Nghị định của chính phủ về bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa để Luật này đi vào quần chúng nhân dân, làm cho mọi người dân trong xã hội có điều kiện hiểu biết và thực hiện. Để “bảo vệ” những báu vật nhân văn sống, ngoài việc thừa nhận những tài năng dân gian, Nhà nước và cộng đồng cần tôn vinh và tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để họ có thể phát huy mọi khả năng trong việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thứ ba, đầu tư hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, đấu tranh ngăn chặn nguy cơ làm mai một hoặc thất truyền di sản văn hóa. Một trong những nguyên tắc cần phải quan tâm đó là vật thể hóa di sản văn hóa phi vật thể. Đây là cách để chúng ta tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập, ghi chép lại các dạng thức văn hóa phi vật thể bằng việc áp dụng khoa học công nghệ.

Đưa di sản văn hóa trở lại với chủ thể văn hóa và tạo điều kiện tốt nhất để cho nó tồn tại. Đây là nguyên tắc được UNESCO và nhiều quốc gia trên thế giới đề xuất. Cộng đồng là môi trường sản sinh ra các hiện tượng văn hóa phi vật thể và là nơi

nuôi dưỡng, làm phong phú nó trong đời sống. Để bảo tồn chúng trong đời sống, chúng ta phải đưa chúng trở lại với người dân, trở lại nơi đã sản sinh ra chúng. Văn hóa phi vật thể tồn tại trong trí nhớ của một số người mà ta thường mệnh danh là nghệ nhân hay còn gọi là báu vật nhân văn sống. Bởi vậy, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể cũng có nghĩa là “bảo vệ” người kế thừa di sản văn hóa - những nghệ nhân dân gian.

Thứ tư, mở rộng mô hình xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản văn hóa để huy động mọi nguồn lực từ người dân trong nước và nước ngoài, để họ có thể tham gia vào công tác này dưới nhiều hình thức khác nhau. Cộng đồng - chủ thể văn hóa là người đóng vai trò quyết định trong việc bảo tồn một cách bền vững di sản văn hóa phi vật thể. Người dân với vai trò là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, họ có đủ năng lực và thẩm quyền để đánh giá các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể quyết định lựa chọn các hiện tượng văn hóa phi vật thể nào là cần thiết để bảo tồn. Khuyến khích các hoạt động sưu tầm, biên soạn, dịch thuật, phân loại, lưu giữ các di sản văn hóa để lưu truyền và giao lưu với văn hóa nước ngoài.

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thống nhất tổ chức bộ máy quản lý, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Cần nhìn nhận đánh giá lại các mặt tích cực và tiêu cực trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển và ngược lại tác động của quá trình phát triển đối với di sản, rút ra các bài học kinh nghiệm. Phát huy mặt tích cực, hạn chế tiến tới kiểm soát hoàn toàn những tác động tiêu cực.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, song song với quá trình đào tạo các cán bộ chuyên môn, cần có kế hoạch tập huấn về chuyên môn và thái độ ứng xử đối với di sản, với khách tham quan cho cán bộ và nhân dân các địa phương có di sản văn hóa, các đối tượng tham gia khai thác du lịch tại các di sản - không chỉ cán bộ du lịch mà cả đối với những người bán hàng, dân địa phương, những người đạp xích lô, lái “xe ôm”, hướng dẫn du lịch tự do v.v.. để thực sự tạo ra những hoạt động du lịch bền vững tại các khu di sản văn hóa.

Thứ bảy, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành như giao thông vận tải, hàng không, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội, công an, thủy sản... và các cơ quan địa phương đảm bảo cho môi trường di sản (cả môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội) được trong sạch. Tạo sự ổn định, bền vững cho di sản và sự an toàn cho khách tham quan du lịch, tránh chông chéo, thiếu hiệu quả.

5. Kết luận

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải được bắt nguồn từ những giá trị của di sản. Những quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về di sản văn hóa đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phát triển, đồng thời cũng khẳng định tiềm năng to lớn của di sản văn hóa Việt Nam trong sự phát triển chung của đất nước.

Để công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa Việt Nam đạt hiệu quả ngày càng cao, các ngành chức năng, các cấp từ Trung ương tới địa phương cần nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng các di sản văn hóa, trên cơ sở đó thực hiện một

cách đồng bộ các giải pháp nêu trên đây, nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách khoa học. Đồng thời, tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ các di sản văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng, nhằm phát huy bền vững, góp phần tỏa sáng giá trị kho tàng văn hóa của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Chí Bền (2006), *Văn hóa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Nguyễn Đình Thành (Chủ biên) (2008), *Di sản văn hóa - bảo tồn và phát triển*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
3. Trần Văn Bính (Chủ biên) (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Thức (2007), *Một số kinh nghiệm quản lý và hoạt động tư tưởng - văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.
5. Trường Lưu (2006), *Văn minh tinh thần từ chất lượng văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Quan Hoàng Linh (2012), “Bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 337, tháng 7.
8. Đinh Xuân Dũng (2013), *Văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Trần Thị Kim Cúc (2014), *Văn hóa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hội đồng Lý luận Trung ương (2014), *Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

